

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Báo cáo tài chính hợp nhất cho
Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	[2] - [4]
2. Báo cáo tài chính hợp Quý IV/2019	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	[5] - [6]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	[7] – [8]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	[9] - [10]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	[11] - [35]

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 156 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong Kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
- Ông Đỗ Trần Mai	Thành Viên
- Bà An Hà My	Thành Viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong Kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Tổng Giám Đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong Kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Bùi Thị Thanh Nam	Trưởng ban Kiểm soát
- Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
- Bà Lê Thị Thoa	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có các công ty con như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 156 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam

Số 59, đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Trong năm 2018, Công ty thành lập Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam theo Nghị quyết HĐQT số 01/2018/NQ-HĐQT ngày 08/01/2018. Vốn điều lệ đăng ký là 45 tỷ đồng, đến ngày 31/12/2019 vốn thực góp là 45.000.000.000 VND. Tỷ lệ sở hữu: 90%.

6. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho Kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho Kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		206,755,157,960	211,429,776,194
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		56,313,669,891	95,853,999,012
1. Tiền	111	5.1	56,313,669,891	95,853,999,012
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.8	600,000,000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		600,000,000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103,983,652,637	72,231,707,236
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	57,992,150,273	41,625,455,483
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	15,771,825,809	5,541,316,455
4. Các khoản phải thu khác	136	5.5	31,403,370,842	26,248,629,585
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.9	(1,183,694,287)	(1,183,694,287)
III. Hàng tồn kho	140	5.6	41,156,495,151	40,425,875,589
1. Hàng tồn kho	141		41,156,495,151	40,425,875,589
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,701,340,281	2,918,194,357
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	4,519,782,424	2,915,639,856
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		181,557,857	1,580,476
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	-	974,025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		144,849,946,364	87,498,641,634
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		189,382,908	316,435,464
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	189,382,908	316,435,464
II. Tài sản cố định	220		99,447,307,537	76,154,080,676
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	91,178,908,312	65,887,900,882
- Nguyên giá	222		131,513,852,774	91,555,272,581
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40,334,944,462)	(25,667,371,699)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	1,967,683,561	3,822,919,442
- Nguyên giá	225		3,170,849,090	4,974,217,600
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1,203,165,529)	(1,151,298,158)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	6,300,715,664	6,443,260,352
- Nguyên giá	228		6,765,326,300	6,765,326,300
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(464,610,636)	(322,065,948)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		10,964,993,593	2,872,569,048
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	10,964,993,593	2,872,569,048
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		28,800,000,000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5,448,262,326	8,155,556,446
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	5,448,262,326	8,155,556,446
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		351,605,104,324	298,928,417,828

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		156,582,021,375	125,732,275,752
I. Nợ ngắn hạn	310		134,446,448,373	116,638,962,579
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	48,392,040,416	47,104,361,723
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	6,989,768,767	4,693,651,357
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	8,407,328,266	7,420,507,412
4. Phải trả người lao động	314		3,643,440,612	3,788,191,024
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	610,000,000	610,000,000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	4,451,490,763	4,639,568,719
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	60,373,674,511	46,803,977,306
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,578,705,038	1,578,705,038
II. Nợ dài hạn	330		22,135,573,002	9,093,313,173
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	810,430,120	1,560,430,120
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	21,325,142,882	7,532,883,053
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.19	195,023,082,949	173,196,142,076
I. Vốn chủ sở hữu	410		195,023,082,949	173,196,142,076
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115,000,000,000	115,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115,000,000,000	115,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(68,454,545)	(68,454,545)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		46,060,158,166	29,189,645,500
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		18,239,094,474	17,420,546,141
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	28,264,842
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18,239,094,474	17,392,281,299
5. Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	429		15,792,284,854	11,654,404,980
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		351,605,104,324	298,928,417,828

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Người lập

Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B 02-DN/HN

Quý IV năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý IV	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	134,925,718,987	114,146,501,759	344,114,184,407	257,215,779,361
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	24,657,806,137	10,105,569,379	52,005,606,083	10,767,842,108
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		110,267,912,850	104,040,932,380	292,108,578,324	246,447,937,253
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	54,333,269,013	69,779,517,706	154,783,259,860	150,444,856,953
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55,934,643,837	34,261,414,674	137,325,318,464	96,003,080,300
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	5,330,438	5,209,826	19,185,509	17,826,230
7. Chi phí tài chính	22	6.5	5,027,378,378	3,126,636,234	13,310,137,654	10,085,333,604
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,434,038,627	963,762,893	5,113,903,797	3,545,898,636
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết					-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	34,164,971,861	13,397,093,739	81,344,300,508	49,568,049,297
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	6,039,398,393	4,159,904,325	19,305,309,975	15,124,151,051
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10,708,225,643	13,582,990,202	23,384,755,836	21,243,372,578
12. Thu nhập khác	31	6.6	471,463,443	(68,102,557)	1,380,916,123	306,947,906
13. Chi phí khác	32	6.7	750,870,288	106,722,010	1,434,865,532	194,401,763
14. Lợi nhuận khác	40		(279,406,845)	(174,824,567)	(53,949,409)	112,546,143
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10,428,818,798	13,408,165,635	23,330,806,427	21,355,918,721
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1,825,216,450	1,835,851,413	4,299,427,099	3,379,718,321
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8,603,602,348	11,572,314,222	19,031,379,328	17,976,200,400

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG A

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiên, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ	61		7,985,077,839	10,949,819,860	18,239,094,474	17,091,110,637
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Cổ đông không kiểm soát	62		618,524,509	622,494,362	792,284,854	885,089,763
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	694	952	1,586	1,486

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu số B 03-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Quý IV năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý IV Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23,330,806,427	21,355,918,721
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		16,134,508,787	9,912,905,265
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19,185,509)	(17,826,230)
- Chi phí lãi vay	06		5,113,903,797	3,545,898,636
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(28,265,042)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		44,531,768,460	34,796,896,392
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(31,803,896,201)	7,479,743,406
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(730,619,562)	(1,547,368,984)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7,945,733,241	18,521,692,695
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,103,151,552	(1,829,278,091)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5,113,903,797)	(3,545,898,636)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3,700,926,610)	(2,773,996,205)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12,231,307,083	51,101,790,577
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(55,352,778,747)	(35,214,041,539)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1,100,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(28,800,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19,185,509	17,826,230
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(84,133,593,238)	(36,296,215,309)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 03-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Quý IV năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý III	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		5,000,000,000	5,000,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		184,031,773,397	130,679,599,967
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(155,209,268,485)	(114,946,992,270)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1,460,547,878)	(1,943,257,904)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(13,800,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		32,361,957,034	4,989,349,793
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(39,540,329,121)	19,794,925,061
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		95,853,999,012	76,059,073,951
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		56,313,669,891	95,853,999,012

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Người lập

Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: kinh doanh các loại sơn, bột bả.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất nước sơn, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chỉ gồm có: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chỉ gồm có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chỉ gồm: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Dịch vụ phụ vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có các công ty con sau:

❖ Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 07 tháng 03 năm 2016 và thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 01 năm 2018

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 1101814871 thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 01 năm 2018 là 55.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn./.*)

Trụ sở tại Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	81,82%	81,82%

❖ Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 cấp ngày 08/01/2018 là 50.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn./.*)

Trụ sở tại số 59, đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>		<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	
	Theo đăng ký kinh doanh	Thực góp	Trên đăng ký kinh doanh	Thực góp
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam	90%	100%	90%	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT. Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 03 năm 2019 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (công ty mẹ), Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG (công ty con) và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thực hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

3 KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc Kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt Kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc Kỳ kế toán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 20 năm
Máy móc thiết bị	06 – 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

4.5.2. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm

05 năm

4.5.3. Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm số thuế GTGT phải trả cho bên cho thuê.

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lý kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí quảng cáo, chi phí đồng phục, chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong Kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc Kỳ kế toán, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí duy trì và phát triển nhãn hiệu. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11. Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong Kỳ kế toán. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.14. Thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong Kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.18. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số 8.6.

4.19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh các loại sơn, bột bả và keo chống thấm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	11,646,248,201	13,121,079,236
Tiền gửi ngân hàng	42,160,518,978	82,192,943,676
Tiền đang chuyển	2,506,902,712	539,976,100
Cộng	56,313,669,891	95,853,999,012

5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Cuối năm	Đầu năm
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	57,992,150,273	41,625,455,483
- Các khoản phải thu khách hàng	57,992,150,273	41,625,455,483
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-

5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Cuối năm	Đầu năm
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	15,771,825,809	5,541,316,455
- Tập đoàn Oliver Y Battle	3,228,004,055	-
- Công ty TNHH SUV	6,529,079,000	-
- Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera	750,000,000	750,000,000
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	5,264,742,754	4,791,316,455
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-

5.4 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cho vay	-	-	-	-

5.5 . PHẢI THU KHÁC

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	31,403,370,842	-	26,248,629,585	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	3,000,000	-	3,000,000	-
- Tạm ứng	19,939,715,790	-	18,000,974,058	-
- Phải thu khác	11,460,655,052	-	8,244,655,527	-
b) Dài hạn	189,382,908	-	316,435,464	-
- Phải thu về cổ phần hoá				
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia				
- Tạm ứng				
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	128,200,000	-	210,200,000	-
- Phải thu khác	61,182,908	-	106,235,464	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

5.6 . HÀNG TỒN KHO

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	17,384,923,337	-	18,746,697,124	-
Công cụ, dụng cụ	2,218,082,208	-	1,013,400,373	-
Chi phí SXKD dở dang	6,188,521,648	-	5,479,818,978	-
Thành phẩm nhập kho	11,709,623,475	-	8,504,696,815	-
Hàng hóa	3,655,344,483		6,626,813,577	
Hàng gửi bán	-		54,448,722	-
Cộng	41,156,495,151	-	40,425,875,589	-

5.7 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Cuối năm	Đầu năm
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	10,964,993,593	2,872,569,048
+ Mua sắm TSCĐ	286,595,466	286,595,466
+ Xây dựng cơ bản khác	10,678,398,127	2,585,973,582
	10,964,993,593	2,872,569,048

5.8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	4,519,782,424	2,915,639,856
b) Dài hạn	5,448,262,326	8,155,556,446
Cộng	9,968,044,750	11,071,196,302

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5.9 . NỢ XẤU*Đơn vị : VND*

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
- Các khoản phải thu ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Á Châu G8	192,880,615	-	(192,880,615)	192,880,615	-	(192,880,615)
Các công ty khác	990,813,672	-	(990,813,672)	990,813,672	-	(990,813,672)
Cộng	1,183,694,287	-	(1,183,694,287)	1,183,694,287	-	(1,183,694,287)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5.10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	25,893,569,909	43,104,532,293	22,293,979,469	231,490,910	31,700,000	91,555,272,581
Tăng trong năm		16,956,242,953	25,272,040,454			42,228,283,407
- Mua trong năm		16,956,242,953	25,272,040,454			42,228,283,407
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính						
- Tăng khác						
Giảm trong năm		(1,482,422,987)	(787,280,227)			(2,269,703,214)
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán			(787,280,227)			(787,280,227)
- Giảm khác		(1,482,422,987)				(1,482,422,987)
Số dư cuối năm	25,893,569,909	58,578,352,259	46,778,739,696	231,490,910	31,700,000	131,513,852,774
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4,413,705,592	12,175,682,648	8,943,205,810	117,738,890	17,038,759	25,667,371,699
Tăng trong năm	747,990,492	9,173,656,652	5,363,992,365	32,481,819	5,943,753	15,324,065,081
- Số khấu hao trong năm	747,990,492	9,173,656,652	5,363,992,365	32,481,819	5,943,753	15,324,065,081
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính						
- Tăng khác						
Giảm trong năm		(60,938,424)	(595,553,894)			(656,492,318)
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác		(60,938,424)	(595,553,894)			(656,492,318)
Số dư cuối năm	5,161,696,084	21,288,400,876	13,711,644,281	150,220,709	22,982,512	40,334,944,462
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	21,479,864,317	30,928,849,645	13,350,773,659	113,752,020	14,661,241	65,887,900,882
2. Tại ngày cuối năm	20,731,873,825	37,289,951,383	33,067,095,415	81,270,201	8,717,488	91,178,908,312

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09-DN

5.11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm			4,974,217,600		4,974,217,600
Tăng trong năm					
- Thuê tài chính trong năm					
Giảm trong năm			(1,803,368,510)		(1,803,368,510)
- Thanh lý, nhượng bán			(1,803,368,510)		(1,803,368,510)
Số dư cuối năm			3,170,849,090		3,170,849,090
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm			1,151,298,158		1,151,298,158
Tăng trong năm			667,899,018		667,899,018
- Số khấu hao trong năm			667,899,018		667,899,018
- Tăng khác					
Giảm trong năm			(616,031,647)		(616,031,647)
- Giảm khác			(616,031,647)		(616,031,647)
Số dư cuối năm			1,203,165,529		1,203,165,529
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm			3,822,919,442		3,822,919,442
2. Tại ngày cuối năm			1,967,683,561		1,967,683,561

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5.12 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6,725,114,300		40,212,000		6,765,326,300
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua trong năm					-
- Tăng khác					-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	6,725,114,300	-	40,212,000	-	6,765,326,300
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	302,630,148	0	19,435,800		322,065,948
Tăng trong năm	134,502,288	-	8,042,400	-	142,544,688
- Số khấu hao trong năm	134,502,288		8,042,400		142,544,688
- Tăng khác					-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	437,132,436	-	27,478,200	-	464,610,636
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	6,422,484,152	-	20,776,200	-	6,443,260,352
2. Tại ngày cuối năm	6,287,981,864	-	12,733,800	-	6,300,715,664

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

5.13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	48,392,040,416	48,392,040,416	47,104,361,723	47,104,361,723
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	123,699,621	123,699,621	123,699,621	123,699,621
- Công ty TNHH TM Quảng Ngà	27,629,620	27,629,620	27,629,620	27,629,620
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàng Phát	38,000,000	38,000,000	38,000,000	38,000,000
- Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Yến	38,070,001	38,070,001	38,070,001	38,070,001
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

5.14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6,989,768,767	6,989,768,767	4,693,651,357	4,693,651,357
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

5.15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp, bù trừ trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp	7,420,507,412	13,060,869,765	12,074,048,911	8,407,328,266
- Thuế GTGT	4,047,998,133	7,206,368,084	7,982,454,223	3,271,911,994
- Thuế TNDN	2,914,166,737	4,299,427,099	3,700,926,610	3,512,667,226
- Thuế TNCN	458,342,542	1,543,074,582	378,668,078	1,622,749,046
- Các khoản phải nộp khác	-	12,000,000	12,000,000	-
b) Phải thu	Đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Cuối năm
- Thuế thu nhập cá nhân	974,025	-	974,025	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	610,000,000	610,000,000
- Trích trước chi phí kiểm toán	190,000,000	190,000,000
- Các khoản trích trước khác	420,000,000	420,000,000
b) Dài hạn	-	-

5.17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	4,451,490,763	4,639,568,719
- Kinh phí công đoàn	350,842,354	201,748,543
- Bảo hiểm xã hội	182,378,601	716,777,026
- Bảo hiểm y tế	-	17,782,334
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	11,043,326
- Phải trả, phải nộp khác	204,304,974	699,097,726
- Phải thu khác (dư Có)	448,768,989	1,147,066,997
- Nhận ký quỹ, ký cược	2,910,000,000	1,530,000,000
- Tạm ứng	355,195,845	316,052,767
b) Dài hạn	810,430,120	1,560,430,120
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	810,430,120	1,560,430,120
- Phải trả, phải nộp khác	-	-
c) Phải trả khác là các bên liên quan	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5.18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Phát sinh trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay	81,698,817,393	81,698,817,393	184,031,773,397	156,669,816,363	54,336,860,359	54,336,860,359
Ngắn hạn	60,373,674,511	60,373,674,511	167,679,373,357	154,109,676,152	46,803,977,306	46,803,977,306
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (1)	16,514,848,602	16,514,848,602	38,665,382,034	31,595,647,532	9,445,114,100	9,445,114,100
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng (2)	9,501,632,069	9,501,632,069	20,211,327,960	12,815,837,953	2,106,142,062	2,106,142,062
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (3)	24,183,587,872	24,183,587,872	76,194,939,363	74,667,133,295	22,655,781,804	22,655,781,804
- Ngân hàng Public Việt Nam (4)	-	-	-	922,600,000	922,600,000	922,600,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (5)	-	-	-	690,400,000	690,400,000	690,400,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (6)	9,959,085,968	9,959,085,968	32,607,724,000	32,104,197,372	9,455,559,340	9,455,559,340
- Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thường Tín Sacombank (7)	-	-	-	110,000,000	110,000,000	110,000,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (8)	-	-	-	312,000,000	312,000,000	312,000,000
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương VN (6)	214,520,000	214,520,000	-	891,860,000	1,106,380,000	1,106,380,000

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5.18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH*Đơn vị tính: VND*

Dài hạn	21,325,142,882	21,325,142,882	16,352,400,040	2,560,140,211	7,532,883,053	7,532,883,053
- Ngân hàng Public Việt Nam (4)	3,098,283,397	3,098,283,397	40		3,098,283,357	3,098,283,357
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (5)	15,548,528,500	15,548,528,500	14,942,400,000	1,663,571,500	2,269,700,000	2,269,700,000
- Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín Sacombank (7)	686,000,000	686,000,000	686,000,000	256,660,000	256,660,000	256,660,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (8)	1,344,379,167	1,344,379,167	724,000,000	71,220,833	691,600,000	691,600,000
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương VN (6)	647,951,818	647,951,818		568,687,878	1,216,639,696	1,216,639,696
Cộng	81,698,817,393	81,698,817,393	184,031,773,397	156,669,816,363	54,336,860,359	54,336,860,359

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2018/4729252/HĐTD ngày 31 tháng 08 năm 2018 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, tổng hạn mức 27 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(2) Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2012/0057 ngày 16/11/2012 và phụ lục bổ sung hợp đồng tín dụng ký ngày 22/04/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng, hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(3) Hợp đồng tín dụng số 710/2018-HĐCVHM/NHCT131-SDA ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 25 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất quy định theo từng giấy nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh sơn, bột bả, bột chét tường.

(4) Vay dài hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam Chi nhánh Hà Nội:

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000028/18, số cam kết nhận nợ 020-4-55-00-18007, từ ngày 07/03/2018 đến ngày 07/03/2023, hạn mức được phê duyệt 650.000.000 đồng, lãi suất 7,09%/năm, giải ngân 650.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Tucson, có giá trị 820.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000025/18, số cam kết nhận nợ 020-1-55-00-18008, từ ngày 21/03/2018 đến ngày 21/03/2023, hạn mức được phê duyệt 813.000.000 đồng, lãi suất 7,09%/năm, giải ngân 813.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Santafe, có giá trị 1.030.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000059/18, số cam kết nhận nợ 020-5-55-00-18011, từ ngày 13/04/2018 đến ngày 13/04/2023, hạn mức được phê duyệt 680.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 680.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Mazda New CX5 20G AT 2WD, có giá trị 899.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000045/18, số cam kết nhận nợ 020-9-55-00-19012, từ ngày 26/04/2018 đến ngày 26/04/2023, hạn mức được phê duyệt 650.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 650.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Tucson, có giá trị 820.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000046/18, số cam kết nhận nợ 020-9-55-00-18013, từ ngày 04/05/2018 đến ngày 04/05/2023, hạn mức được phê duyệt 400.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 400.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000063/18, số cam kết nhận nợ 020-6-55-00-18014, từ ngày 04/05/2018 đến ngày 04/05/2023, hạn mức được phê duyệt 400.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 400.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000064/18, số cam kết nhận nợ 020-1-55-00-19018, từ ngày 22/06/2018 đến ngày 22/06/2023, hạn mức được phê duyệt 400.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 400.000.000 đồng, cùng với các hợp đồng tín dụng số HAN/000046/18 và HAN/000063/2018 được thế chấp bởi 02 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Vios E CVT, có giá trị 1.040.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000105/18, số cam kết nhận nợ 020-7-55-00-18017, từ ngày 18/06/2018 đến ngày 18/06/2023, hạn mức được phê duyệt 620.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 620.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Tucson 1,6T - GDI 2WD, có giá trị 882.000.000 đồng.

(5) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 340/2018-HĐDCVDADDT/NHCT131-SDA ngày 09 tháng 02 năm 2018, hạn mức 1.228.000.000 đồng, mục đích thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua sắm 02 xe ô tô tải (Pickup cabin kép) Nissan Navara và Ford Ranger WildTrak mới 100%, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

(6) Vay ngắn hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội:

- Hợp đồng tín dụng số 506/2018-HĐCVHM/NHCT131-BCSG ngày 18 tháng 06 năm 2018 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 10 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Hợp đồng tín dụng số 710/2018-HĐCVHM/NHCT131-SDA ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 25 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

(7) Hợp đồng tín dụng số LD1709700706 ngày 17/04/2017 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Long An, số tiền vay 550.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm, lãi suất vay 9,5% (trong 24 tháng đầu tiên), mục đích vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, tài sản đảm bảo là xe ô tô nhãn hiệu Ford thuộc sở hữu của công ty.

(8) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 417/2018 - HĐCVĐAT/NHCT131-BCSG ngày 12 tháng 04 năm 2018 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức là 629.300.000 VND, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh hàng tháng, mục đích vay: đầu tư mua sắm 01 xe ô tô Mazda Cx5 phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty.

(9) Nợ thuê tài chính tại Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam:

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.075/2015/TSC-CTTC ngày 30 tháng 10 năm 2015 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 992.480.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.044/2016/TSC-CTTC ngày 29 tháng 07 năm 2016 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 645.680.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.002/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 01 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 790.000.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.027/2017/TSC-CTTC ngày 05 tháng 06 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 644.480.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.033/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 01 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 484.560.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.062/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 677.280.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 05/2018/CN.MN-CTTC ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với giá trị tài sản cho thuê là 1.495.840.000 đồng, thời hạn cho thuê là 48 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09-DN

5.19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	115,000,000,000	41,545,455	12,099,319,177	5,574,970,192	17,818,591,365	150,534,426,189
Tăng vốn năm trước	-			5,000,000,000		5,000,000,000
Lãi trong năm trước				1,079,434,788	17,392,281,099	18,471,715,887
Tăng khác			17,090,326,323			17,090,326,323
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác		(110,000,000)			(17,790,326,323)	(17,900,326,323)
<i>Phân phối lợi nhuận</i>					(17,790,326,323)	(17,790,326,323)
<i>Giảm khác</i>		(110,000,000)				-
Số dư cuối năm trước	115,000,000,000	(68,454,545)	29,189,645,500	11,654,404,980	17,420,546,141	173,196,142,076
Tăng vốn trong năm				5,000,000,000		5,000,000,000
Lãi trong năm				792,284,854	18,239,094,474	19,031,379,328
Tăng khác			16,870,512,666			16,870,512,666
Giảm vốn trong năm						-
Giảm khác	-	-	-	(1,654,404,980)	(17,420,546,141)	(19,074,951,121)
<i>Phân phối lợi nhuận (*)</i>					(17,392,281,099)	(17,392,281,099)
<i>Giảm khác</i>				(1,654,404,980)	(28,265,042)	(1,682,670,022)
Số dư cuối năm	115,000,000,000	(68,454,545)	46,060,158,166	15,792,284,854	18,239,094,474	195,023,082,949

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	115,000,000,000	115,000,000,000
Cộng	100%	115,000,000,000	115,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	115,000,000,000	115,000,000,000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>		
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>		
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	115,000,000,000	115,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11,500,000	11,500,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11,500,000	11,500,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11,500,000	11,500,000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11,500,000	11,500,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11,500,000	11,500,000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	46,060,158,166	29,189,645,500

f) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

5.20 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu	344,114,184,407	257,215,779,361
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-

6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	46,234,598,671	10,767,842,108
Hàng bán bị trả lại	5,771,007,412	-
Cộng	52,005,606,083	10,767,842,108

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
Giá vốn của hàng đã bán	154,783,259,860	150,444,856,953
6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi, cho vay	19,185,509	17,826,230
Cộng	19,185,509	17,826,230
6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lãi tiền vay	5,113,903,797	3,545,898,636
Chiết khấu thanh toán	8,196,233,857	6,539,434,968
Cộng	13,310,137,654	10,085,333,604
6.6 . THU NHẬP KHÁC		
- Thu nhập khác	1,380,916,123	306,947,906
Cộng	1,380,916,123	306,947,906
6.7 . CHI PHÍ KHÁC		
- Các khoản khác	1,434,865,532	194,401,763
Cộng	1,434,865,532	194,401,763
6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	19,305,309,975	15,124,151,051
b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong năm	81,344,300,508	49,568,049,297
6.9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23,330,806,427	21,355,918,721
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	410,666,582
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN (Thuế suất 20% và giảm 50%)	3,667,341,862	4,867,993,698
+ Thu nhập miễn thuế	-	4,867,993,698
+ Thu nhập được giảm 50% thuế (LN tại Công ty con)	3,667,341,862	-
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN (Thuế suất 20%)	19,663,464,565	16,898,591,605
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tổng thuế TNDN hiện hành	4,299,427,099	3,379,718,321
6.10 LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	18,239,094,474	17,091,110,637
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi		
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu		
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11,500,000	11,500,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,586	1,486

7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09-DN

Đơn vị tính: VND

8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

8.3 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm

8.4 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

8.5 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và BCTC Hợp nhất Quý IV năm 2018; BCTC hợp nhất Quý III năm 2019 của Công ty

8.6 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.7 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

C.P. I.A.